

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/03/2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến

Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Linh – Thư ký Tòa án

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 499/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thanh T1, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp X, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh Minh T2, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Y, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long

(Nguyên đơn chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T2 vắng mặt lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2025 trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị T1 trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huỳnh Minh T2 cưới nhau vào năm 2022, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, nay là xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/12/2022. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc

sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành sau tháng 7 năm 2025 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh Minh T2.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Huỳnh Minh T2, Tòa án có tổng đạt các T2 báo cho anh T2 tham gia hòa giải, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị T1 nhưng anh T2 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T2 và vụ án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Huỳnh Minh T2 kết hôn vào năm 2022, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND tại UBND xã Y, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, nay là xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/12/2022. Do đó, hôn nhân của chị T1 và anh T2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh T2 đã có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sống chung và không thể hàn gắn nên chị T1 nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã mời anh T2 đến Tòa tham gia hòa giải nhưng anh T2 không đến Tòa án để hòa giải giải quyết hay có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị T1. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 trình bày không có, anh T2 vắng mặt không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị T1 phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Thanh T1 đối với anh Nguyễn Huỳnh Minh T2.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị T1 phải nộp, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010984 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Án phí hôn nhân chị T1 đã nộp xong.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền